

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN CHÍ THANH

DANH SÁCH XẾP PHÒNG THI THỬ VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026-2027 _ LẦN I

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	SBD	Môn chuyên	PHÒNG THI	
						MÔN KHÔNG CHUYÊN	MÔN CHUYÊN
1	Thân Bảo An	09/11/2011	9A3	100001	Chuyên Tin	D1.3	Tin 1
2	Nguyễn Tân An	22/03/2011	9A9	100002	Chuyên Tin	D1.3	Tin 1
3	Nguyễn Lan Anh	16/12/2011	9A	100003	Chuyên Anh	D1.3	D1.3
4	Lê Trâm Anh	00/01/1900	9A1	100004	Chuyên Hóa	D1.3	D2.6
5	Đoàn Phan Việt Anh	25/05/2011	9A4	100005	Chuyên Hóa	D1.3	D2.6
6	Dương Thị Phương Anh	21/07/2011	9A4	100006	Chuyên Sinh	D1.3	D3.2
7	Nguyễn Đức Hoàng Anh	24/09/2011	9A2	100007	Chuyên Toán	D1.3	D1.6
8	Phan Mai Anh	05/07/2011	9A4	100008	Chuyên Anh	D1.3	D1.3
9	Nguyễn Trần Quỳnh Anh	17/05/2011	9A7	100009	Chuyên Lí	D1.3	D2.4
10	Bùi Đình Tuấn Anh	27/11/2011	9A2	100010	Chuyên Toán	D1.3	D1.6
11	Trần Phan Phương Anh	14/11/2011	9B	100011	Chuyên Địa	D1.3	D1.5
12	Ngô Thị Mai Anh	18/02/2011	9A1	100012	Chuyên Văn	D1.3	D3.4
13	Nguyễn Ngọc Ánh	29/08/2011	9A3	100013	Chuyên Anh	D1.3	D1.3
14	Bùi Hải Bằng	12/01/2011	9A3	100014	Chuyên Sử	D1.3	D3.5
15	Bùi Xuân Gia Bảo	07/01/2012	8A1	100015	Chuyên Tin	D1.3	Tin 1
16	Nguyễn Phan Gia Bảo	06/03/2011	9A1	100016	Chuyên Toán	D1.3	D1.6
17	Nguyễn Đỗ Huy Bảo	23/12/2011	9A1	100017	Chuyên Sinh	D1.3	D3.2
18	Nguyễn Phạm Ngọc Bích	12/10/2011	9E	100018	Chuyên Toán	D1.3	D1.6
19	Nguyễn Hoàng Bảo Châu	22/01/2011	9A1	100019	Chuyên Hóa	D1.3	D2.6
20	Nguyễn Ngọc Minh Châu	20/10/2011	9A5	100020	Chuyên Toán	D1.3	D1.6
21	Đoàn Huỳnh Ngọc Châu	09/02/2011	9A5	100021	Chuyên Sinh	D1.4	D3.2
22	Đình Vũ Hoàng Châu	31/10/2011	9A3	100022	Chuyên Anh	D1.4	D1.3
23	Nguyễn Linh Chi	01/05/2011	9A5	100023	Chuyên Toán	D1.4	D1.6
24	Trần Ngọc Khánh Chi	29/06/2011	9A2	100024	Chuyên Toán	D1.4	D1.6
25	Nguyễn Thị Linh Chi	05/08/2011	9A1	100025	Chuyên Sinh	D1.4	D3.2
26	Thái Hồng Chuyên	30/05/2011	9A3	100026	Chuyên Hóa	D1.4	D2.6
27	Bùi Đình Công	25/07/2011	9A2	100027	Chuyên Sinh	D1.4	D3.2
28	Nông Nguyễn Việt Cường	13/01/2011	9A5	100028	Chuyên Toán	D1.4	D1.6
29	Thái Quốc Cường	09/04/2011	9A2	100029	Chuyên Toán	D1.4	D1.6
30	Trần Quốc Cường	27/06/2011	9A8	100030	Chuyên Tin	D1.4	Tin 1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	SBD	Môn chuyên	PHÒNG THI	
						MÔN KHÔNG CHUYÊN	MÔN CHUYÊN
31	Thái Quốc Cường	09/04/2011	9A2	100031	Chuyên Toán	D1.4	D1.6
32	Nguyễn Phương Đài	02/09/2011	9A2	100032	Chuyên Sinh	D1.4	D3.2
33	Nguyễn Linh Đan	26/10/2011	9A1	100033	Chuyên Hóa	D1.4	D2.6
34	Trần Đăng Khánh Đăng	20/07/2011	9A4	100034	Chuyên Tin	D1.4	Tin 1
35	Hoàng Hải Đăng	26/10/2011	9A5	100035	Chuyên Sử	D1.4	D3.5
36	Nguyễn Hồng Hải Đăng	04/04/2011	9A5	100036	Chuyên Toán	D1.4	D1.6
37	Nguyễn Tiến Đạt	11/09/2011	9A2	100037	Chuyên Hóa	D1.4	D2.6
38	Nguyễn Lương Minh Đạt	00/01/1900	9A1	100038	Chuyên Tin	D1.4	Tin 1
39	Nguyễn Hoàng Tiến Đạt	20/07/2011	9A2	100039	Chuyên Toán	D1.4	D1.6
40	Nguyễn Đăng Đạt	07/08/2011	9A1	100040	Chuyên Tin	D1.4	Tin 1
41	Lê Thị Ngọc Diệp	16/07/2011	9A1	100041	Chuyên Anh	D1.5	D1.3
42	Đình Tiên Hoàng Diệu	18/04/2011	9A2	100042	Chuyên Toán	D1.5	D1.6
43	Nguyễn Thị Bích Diệu	24/11/2011	9B	100043	Chuyên Lí	D1.5	D2.4
44	Lê Huy Đồng	29/12/2011	9A8	100044	Chuyên Lí	D1.5	D2.4
45	Nguyễn Hữu Đức	29/09/2011	9A1	100045	Chuyên Anh	D1.5	D1.3
46	Nguyễn Bùi Phương Dung	16/08/2011	9A1	100046	Chuyên Địa	D1.5	D1.5
47	Huỳnh Ngọc Quốc Dũng	05/06/2011	9A5	100047	Chuyên Sử	D1.5	D3.5
48	Nguyễn Mạnh Dũng	05/05/2011	9A3	100048	Chuyên Toán	D1.5	D1.6
49	Nguyễn Vũ Ánh Dương	23/06/2011	9A8	100049	Chuyên Sinh	D1.5	D3.2
50	Nguyễn Văn Dương	14/08/2011	9A7	100050	Chuyên Hóa	D1.5	D2.6
51	Nguyễn Văn Dương	14/08/2011	9A7	100051	Chuyên Hóa	D1.5	D2.6
52	Nguyễn Đình Khương Duy	12/05/2011	9A1	100052	Chuyên Sinh	D1.5	D3.2
53	Phạm Khánh Duy	18/07/2011	9A4	100053	Chuyên Hóa	D1.5	D2.6
54	Nguyễn Hà Duyên	16/11/2011	9A1	100054	Chuyên Hóa	D1.5	D2.6
55	Phạm Trần Hương Giang	05/10/2011	9A	100055	Chuyên Sinh	D1.5	D3.2
56	Hoàng Nguyễn Ngọc Hà	10/07/2011	9A	100056	Chuyên Toán	D1.5	D1.6
57	Đình Nguyễn Hoàng Hạc	09/04/2011	9C	100057	Chuyên Tin	D1.5	Tin 1
58	Đặng Ngọc Hân	21/04/2011	9A	100058	Chuyên Toán	D1.5	D1.6
59	Nguyễn Thị Ngọc Hân	01/04/2011	9A2	100059	Chuyên Văn	D1.5	D3.4
60	Nguyễn Gia Hân	08/08/2011	9A2	100060	Chuyên Toán	D1.5	D1.6
61	Phạm Gia Hân	19/08/2011	9A3	100061	Chuyên Lí	D1.6	D2.4
62	Trần Hoàng Minh Hằng	12/06/2011	9A4	100062	Chuyên Văn	D1.6	D3.4
63	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	01/01/2011	9A4	100063	Chuyên Toán	D1.6	D1.6

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	SBD	Môn chuyên	PHÒNG THI	
						MÔN KHÔNG CHUYÊN	MÔN CHUYÊN
64	Trần Thanh Hào	30/04/2011	9A1	100064	Chuyên Lí	D1.6	D2.4
65	Nguyễn Xuân Hiếu	08/01/2011	9A2	100065	Chuyên Toán	D1.6	D1.6
66	Trương Minh Hiếu	26/08/2011	9A2	100066	Chuyên Anh	D1.6	D1.3
67	Đỗ Bùi Ngọc Hiếu	19/11/2011	9A1	100067	Chuyên Tin	D1.6	Tin 1
68	Trịnh Thị Thanh Hoa	10/11/2011	9A6	100068	Chuyên Văn	D1.6	D3.4
69	Lê Đức Hoàng Hoà	28/11/2010	9A1	100069	Chuyên Địa	D1.6	D1.5
70	Nguyễn Đình Gia Hoà	31/10/2011	9A1	100070	Chuyên Toán	D1.6	D2.1
71	Đào Huy Hoàng	24/08/2011	9A1	100071	Chuyên Toán	D1.6	D2.1
72	Trần Mạnh Hoàng	07/01/2011	9A1	100072	Chuyên Lí	D1.6	D2.4
73	Đình Trọng Hoàng	22/12/2011	9A1	100073	Chuyên Sử	D1.6	D3.5
74	Nguyễn Huy Hoàng	25/01/2011	9A8	100074	Chuyên Anh	D1.6	D1.3
75	Nguyễn Thái Học	19/05/2011	9A5	100075	Chuyên Anh	D1.6	D1.3
76	Phạm Tuấn Hùng	22/01/2011	9A1	100076	Chuyên Toán	D1.6	D2.1
77	Hoàng Mạnh Hùng	12/10/2011	9A4	100077	Chuyên Anh	D1.6	D1.3
78	Nguyễn Phú Hưng	24/11/2011	9A8	100078	Chuyên Tin	D1.6	Tin 1
79	Trần Thị Mai Hương	10/05/2011	9A	100079	Chuyên Văn	D1.6	D3.4
80	Thái Thị Hường	01/08/2011	9A2	100080	Chuyên Hóa	D1.6	D2.6
81	Cao Hà Gia Huy	17/02/2011	9A2	100081	Chuyên Địa	D2.1	D1.5
82	Nguyễn Bá Huy	26/01/2011	9A2	100082	Chuyên Toán	D2.1	D2.1
83	Nguyễn Đức Huy	05/04/2011	9A2	100083	Chuyên Toán	D2.1	D2.1
84	Nguyễn Phúc Huy	25/01/2011	9A1	100084	Chuyên Toán	D2.1	D2.1
85	Đào Trọng Gia Huy	04/08/2011	9A1	100085	Chuyên Lí	D2.1	D2.4
86	Đào Gia Huy	12/12/2011	9A1	100086	Chuyên Tin	D2.1	Tin 1
87	Lê Công Huy	27/09/2012	8A1	100087	Chuyên Anh	D2.1	D1.3
88	Đình Gia Huy	14/11/2011	9A2	100088	Chuyên Lí	D2.1	D2.4
89	Nguyễn Khánh Huyền	11/11/2011	9A1	100089	Chuyên Sinh	D2.1	D3.2
90	Hồ Duy Khang	17/01/2011	9A1	100090	Chuyên Hóa	D2.1	D2.6
91	Hồ Thiện Khang	14/03/2011	9A3	100091	Chuyên Toán	D2.1	D2.1
92	Hồ Thiện Khang	14/03/2011	9A3	100092	Chuyên Toán	D2.1	D2.1
93	Lương Ngọc Khánh	25/10/2011	9A2	100093	Chuyên Tin	D2.1	Tin 1
94	Lương Vũ Ngân Khánh	12/12/2011	9A5	100094	Chuyên Sinh	D2.1	D3.2
95	Lê Anh Khoa	02/01/2011	9A8	100095	Chuyên Lí	D2.1	D2.4
96	Nguyễn Anh Khoa	16/02/2011	9A5	100096	Chuyên Địa	D2.1	D1.5

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	SBD	Môn chuyên	PHÒNG THI	
						MÔN KHÔNG CHUYÊN	MÔN CHUYÊN
97	Lê Nguyên Khôi	07/11/2011	9A4	100097	Chuyên Toán	D2.1	D2.1
98	Nguyễn Tường Khôi	17/07/2011	9A4	100098	Chuyên Hóa	D2.1	D2.6
99	Trần Minh Khôi	19/09/2011	9A1	100099	Chuyên Toán	D2.1	D2.1
100	Hồ Đức Khôi	20/06/2011	9A4	100100	Chuyên Sử	D2.2	D3.5
101	Đỗ Trung Kiên	18/12/2011	9A5	100101	Chuyên Tin	D2.2	Tin 1
102	Lê Trung Kiên	21/09/2011	9A3	100102	Chuyên Anh	D2.2	D1.3
103	Lê Tuấn Kiệt	25/10/2011	9A	100103	Chuyên Toán	D2.2	D2.1
104	Đinh Tuấn Kiệt	17/09/2011	9A5	100104	Chuyên Hóa	D2.2	D2.6
105	Võ Tuấn Kiệt	04/11/2011	9A5	100105	Chuyên Hóa	D2.2	D2.6
106	Hoàng Thế Kiệt	16/08/2011	9A2	100106	Chuyên Lí	D2.2	D2.4
107	Hà Hào Kiệt	13/08/2011	9A5	100107	Chuyên Toán	D2.2	D2.1
108	Nguyễn Thị Thuý Kiều	06/06/2011	9A3	100108	Chuyên Hóa	D2.2	D2.6
109	Nguyễn Ngọc Nhã Kỳ	05/06/2011	9A2	100109	Chuyên Lí	D2.2	D2.4
110	Đậu Tường Lam	31/10/2011	9A1	100110	Chuyên Anh	D2.2	D1.3
111	Phạm Mai Trúc Lâm	16/01/2011	9A1	100111	Chuyên Sinh	D2.2	D3.2
112	Vũ Ngọc Hương Lan	18/11/2011	9A4	100112	Chuyên Văn	D2.2	D3.4
113	Đinh Đan Linh	14/03/2011	9A1	100113	Chuyên Lí	D2.2	D2.4
114	Trần Ngọc Linh	16/05/2011	9B	100114	Chuyên Văn	D2.2	D3.4
115	Đinh Đan Linh	14/03/2011		100115	Chuyên Lí	D2.2	D2.4
116	Võ Dương Thùy Linh	28/02/2011	9A2	100116	Chuyên Toán	D2.2	D2.1
117	Cáp Thị Hải Linh	05/07/2011	9A2	100117	Chuyên Toán	D2.2	D2.1
118	Hồ Lê Phương Linh	21/01/2011	9A2	100118	Chuyên Anh	D2.3	D1.3
119	Cáp Thị Hải Linh	05/07/2011	9A2	100119	Chuyên Toán	D2.3	D2.1
120	Huỳnh Ngô Gia Linh	06/01/2011	9A2	100120	Chuyên Sinh	D2.3	D3.2
121	Trần Thị Mai Loan	16/10/2011	9A1	100121	Chuyên Hóa	D2.3	D2.6
122	Trương Quang Lợi	03/03/2011	9A2	100122	Chuyên Anh	D2.3	D1.3
123	Nguyễn Hoàng Long	21/04/2011	9A3	100123	Chuyên Toán	D2.3	D2.1
124	Nguyễn Hoàng Long	21/04/2011	9A3	100124	Chuyên Toán	D2.3	D2.1
125	Phạm Nhật Bảo Long	28/08/2011	9A3	100125	Chuyên Anh	D2.3	D1.3
126	Phạm Hoàng Long	00/01/1900	9A5	100126	Chuyên Lí	D2.3	D2.4
127	Nguyễn Khánh Ly	20/11/2011	9A5	100127	Chuyên Sử	D2.3	D3.5
128	Nguyễn Đỗ Phương Mai	29/05/2011	9A1	100128	Chuyên Hóa	D2.3	D2.6
129	Nguyễn Thanh Mai	21/03/2012	8A10	100129	Chuyên Anh	D2.3	D1.3

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	SBD	Môn chuyên	PHÒNG THI	
						MÔN KHÔNG CHUYÊN	MÔN CHUYÊN
130	Huỳnh Lê Như Mai	11/11/2011	9A6	100130	Chuyên Văn	D2.3	D3.4
131	Thân Thị Kiều Mai	13/11/2011	9A2	100298	Chuyên Toán	D2.3	D2.1
132	Phan Xuân Mạnh	08/03/2011	9A1	100131	Chuyên Toán	D2.3	D2.1
133	Lê Việt Mạnh	21/06/2011	9A2	100132	Chuyên Toán	D2.3	D2.1
134	Trần Đỗ Thùy Minh	00/01/1900	9A	100133	Chuyên Văn	D2.3	D3.4
135	Nguyễn Quang Minh	30/09/2011	9A1	100134	Chuyên Sinh	D2.3	D3.2
136	Bùi Văn Minh	30/09/2011	9A2	100135	Chuyên Tin	D2.3	Tin 1
137	Phan Nguyễn Lâm Minh	22/02/2012	9A5	100136	Chuyên Sinh	D2.4	D3.2
138	Lê Nguyễn Bình Minh	04/11/2011	9A5	100137	Chuyên Toán	D2.4	D2.2
139	Nguyễn Ngọc Hà My	29/10/2012	8A7	100138	Chuyên Anh	D2.4	D1.3
140	Trần Thị Hải My	20/07/2011	9A1	100139	Chuyên Anh	D2.4	D1.3
141	Nguyễn Trà My	30/04/2011	9A3	100140	Chuyên Lí	D2.4	D2.4
142	Hà Thị Trà My	23/10/2011	9A2	100141	Chuyên Toán	D2.4	D2.2
143	Đỗ Ly Na	05/09/2011	9A2	100142	Chuyên Toán	D2.4	D2.2
144	Hồ Phương Nam	23/04/2011	9A3	100143	Chuyên Toán	D2.4	D2.2
145	Nguyễn Phương Nam	16/04/2011	9A4	100144	Chuyên Lí	D2.4	D2.4
146	Vũ Khắc Bảo Nam	11/12/2011	9A3	100145	Chuyên Hóa	D2.4	D3.1
147	Nguyễn Văn Nam	09/07/2011	9A1	100146	Chuyên Lí	D2.4	D2.4
148	Lê Như Phương Nam	15/04/2011	9A3	100147	Chuyên Lí	D2.4	D2.4
149	Trần Hoàng Ngân	26/07/2011	9A5	100148	Chuyên Anh	D2.4	D1.3
150	Nguyễn Trần Kim Ngân	22/02/2011	9A2	100149	Chuyên Anh	D2.4	D1.3
151	Nguyễn Hữu Gia Nghĩa	21/08/2011	9A4	100150	Chuyên Tin	D2.4	Tin 1
152	Phạm Bảo Ngọc	15/11/2011	9A8	100151	Chuyên Hóa	D2.4	D3.1
153	Phan Bảo Ngọc	11/05/2011	9A1	100152	Chuyên Toán	D2.4	D2.2
154	Huỳnh Nguyễn Gia Ngọc	28/10/2011	9A8	100153	Chuyên Sinh	D2.4	D3.2
155	Phạm Trần Ánh Ngọc	28/05/2011	9A5	100154	Chuyên Lí	D2.5	D2.5
156	Võ Lê Như Ngọc	07/09/2011	9A3	100155	Chuyên Anh	D2.5	D1.4
157	Thái Bảo Ngọc	06/03/2011	9A1	100156	Chuyên Anh	D2.5	D1.4
158	Phan Trần Bảo Ngọc	24/12/2011	9A1	100157	Chuyên Sinh	D2.5	D3.2
159	Thái Bảo Ngọc	06/03/2011	9A1	100158	Chuyên Anh	D2.5	D1.4
160	Mai Hồng Ngọc	12/04/2011	9A1	100159	Chuyên Anh	D2.5	D1.4
161	Nguyễn Trần Nguyên	10/06/1979	9A1	100160	Chuyên Sử	D2.5	D3.5
162	Nguyễn An Nguyên	02/03/2011	9A3	100161	Chuyên Toán	D2.5	D2.2

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	SBD	Môn chuyên	PHÒNG THI	
						MÔN KHÔNG CHUYÊN	MÔN CHUYÊN
163	Nguyễn Hoàng Phúc Nguyễn	17/08/2011	9A1	100162	Chuyên Toán	D2.5	D2.2
164	Nguyễn Phạm Bảo Nguyễn	01/09/2011	9A9	100163	Chuyên Toán	D2.5	D2.2
165	Vương Thảo Nguyễn	23/10/2011	9A1	100164	Chuyên Sinh	D2.5	D3.2
166	Trịnh Khánh Nguyễn	03/01/2011	9A2	100165	Chuyên Anh	D2.5	D1.4
167	Nguyễn Lê Anh Nguyễn	13/02/2011	9A1	100166	Chuyên Toán	D2.5	D2.2
168	Lê Nguyễn Nhật Nguyễn	10/12/2011	9A2	100167	Chuyên Toán	D2.5	D2.2
169	Trần Quốc Khôi Nguyễn	06/08/2011	9E	100168	Chuyên Lí	D2.5	D2.5
170	Đỗ Nguyễn Hoàng Nguyễn	06/12/2011	9A2	100169	Chuyên Tin	D2.5	Tin 2
171	Ngô Kim Nguyễn	17/05/2011	9A1	100170	Chuyên Lí	D2.5	D2.5
172	Nguyễn Hạnh Nguyễn	11/02/2011	9A2	100171	Chuyên Sinh	D2.5	D3.3
173	Võ Việt Nhân	06/10/2011	9D	100172	Chuyên Lí	D2.6	D2.5
174	Nguyễn Trần Minh Nhật	22/05/2011	9A	100173	Chuyên Toán	D2.6	D2.2
175	Đình Việt Quang Nhật	13/04/2011	9A	100174	Chuyên Toán	D2.6	D2.2
176	Nguyễn Ngọc Tuyết Nhi	07/08/2010	9A5	100175	Chuyên Địa	D2.6	D1.5
177	Nguyễn Phan Yến Nhi	03/12/2011	9A6	100176	Chuyên Văn	D2.6	D3.4
178	Nguyễn Trần Tuệ Nhi	04/04/2011	9A2	100177	Chuyên Hóa	D2.6	D3.1
179	Nguyễn Trương Tuệ Như	17/05/2011	9A2	100178	Chuyên Sử	D2.6	D3.5
180	Dương Quỳnh Như	16/05/2011	9A1	100179	Chuyên Lí	D2.6	D2.5
181	Nguyễn Thị Nhung	18/02/2011	9A2	100180	Chuyên Toán	D2.6	D2.2
182	Nguyễn Hoàng Phát	16/02/2011	9A1	100181	Chuyên Sinh	D2.6	D3.3
183	Phạm Gia Phú	02/07/2011	9A4	100182	Chuyên Hóa	D2.6	D3.1
184	Chu Thị Hồng Phúc	25/03/2011	9C	100183	Chuyên Toán	D2.6	D2.2
185	Nguyễn Tấn Phúc	17/08/2011	9A4	100184	Chuyên Anh	D2.6	D1.4
186	Nguyễn Xuân Phúc	02/12/2011	9A9	100185	Chuyên Sinh	D2.6	D3.3
187	Nguyễn Xuân Phúc	02/12/2011	9A9	100186	Chuyên Sinh	D2.6	D3.3
188	Nguyễn Gia Phước	16/04/2011	9A7	100187	Chuyên Toán	D2.6	D2.2
189	Trịnh Nguyễn Hữu Phước	01/04/2026	9A2	100188	Chuyên Toán	D2.6	D2.2
190	Biện Phan Khánh Phương	08/02/2011	9A1	100189	Chuyên Văn	D2.6	D3.4
191	Hoàng Ngọc Phương	06/12/2011	9A4	100190	Chuyên Văn	D3.1	D3.4
192	Trần Trịnh Uyên Phương	22/02/2011	9A2	100191	Chuyên Anh	D3.1	D1.4
193	Phạm Quế Phương	06/12/2011	9C	100192	Chuyên Toán	D3.1	D2.2
194	Nguyễn Thị Phương	28/01/2012	8A3	100193	Chuyên Anh	D3.1	D1.4
195	Đỗ Kiều Phương	01/06/2011	9A1	100194	Chuyên Sinh	D3.1	D3.3

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	SBD	Môn chuyên	PHÒNG THI	
						MÔN KHÔNG CHUYÊN	MÔN CHUYÊN
196	Trương Anh Quân	20/10/2011	9A3	100195	Chuyên Hóa	D3.1	D3.1
197	Trần Hoàng Anh Quân	25/02/2011	9A2	100196	Chuyên Tin	D3.1	Tin 2
198	Lê Hoàng Quân	09/03/2011	9A2	100197	Chuyên Anh	D3.1	D1.4
199	Đình Nguyên Bảo Quân	10/03/2011	9A7	100198	Chuyên Sinh	D3.1	D3.3
200	Trần Hữu Hoàng Quân	04/05/2011	9A2	100199	Chuyên Lí	D3.1	D2.5
201	Hoàng Minh Quân	22/11/2011	9A1	100200	Chuyên Hóa	D3.1	D3.1
202	Nguyễn Minh Quân	29/04/2012	9A1	100201	Chuyên Tin	D3.1	Tin 2
203	Đặng Minh Quân	08/08/2010	9A1	100202	Chuyên Hóa	D3.1	D3.1
204	Nguyễn Đăng Quang	02/01/2011	9A4	100203	Chuyên Anh	D3.1	D1.4
205	Lê Chấn Vinh Quang	12/04/2011	9B	100204	Chuyên Sinh	D3.1	D3.3
206	Lê Thế Quang	25/06/2011	9E	100205	Chuyên Hóa	D3.1	D3.1
207	Phạm Ngọc Quý	19/08/2011	9A2	100206	Chuyên Toán	D3.1	D2.2
208	Nguyễn Như Quỳnh	11/03/2011	9A3	100207	Chuyên Toán	D3.1	D2.2
209	Huỳnh Tấn Sang	17/02/2011	9A1	100208	Chuyên Sinh	D3.2	D3.3
210	Nguyễn Đình Sang	15/10/2011	9A4	100209	Chuyên Hóa	D3.2	D3.1
211	Đình Xuân Sang	24/09/2011	9A1	100210	Chuyên Tin	D3.2	Tin 2
212	Huỳnh Quang Sang	00/01/1900	9A4	100211	Chuyên Tin	D3.2	Tin 2
213	Nông Hữu Thái Sơn	08/01/2011	9A1	100212	Chuyên Toán	D3.2	D2.3
214	Đào Ngọc Tài	26/02/2011	9A1	100213	Chuyên Lí	D3.2	D2.5
215	Trần Nhân Tài	26/01/2011	9A4	100214	Chuyên Tin	D3.2	Tin 2
216	Đỗ Thanh Tâm	30/06/2011	9A2	100215	Chuyên Toán	D3.2	D2.3
217	Giang Thị Minh Tâm	15/07/2011	9A1	100216	Chuyên Sinh	D3.2	D3.3
218	Lê Thị Thanh Tâm	04/10/2011	9A1	100217	Chuyên Anh	D3.2	D1.4
219	Lê Thị Thanh Tâm	20/04/2011	9A1	100218	Chuyên Anh	D3.2	D1.4
220	Nông Lê Nhật Tân	04/03/2011	9A2	100219	Chuyên Tin	D3.2	Tin 2
221	Nông Lê Nhật Tân	05/02/2011	9A2	100220	Chuyên Tin	D3.2	Tin 2
222	Phạm Quốc Thái	00/01/1900	9A3	100221	Chuyên Hóa	D3.2	D3.1
223	Mai Ngọc Thái	15/03/2011	9A5	100222	Chuyên Tin	D3.2	Tin 2
224	Lê Nguyễn Hoàng Thái	14/03/2011	9A1	100223	Chuyên Toán	D3.2	D2.3
225	Đỗ Lê Phương Thanh	11/03/2011	9C	100224	Chuyên Sử	D3.2	D3.5
226	Phạm Nguyễn Đăng Thanh	13/02/2011	9A1	100225	Chuyên Lí	D3.2	D2.5
227	Lê Tấn Thành	03/10/2011	9A	100226	Chuyên Toán	D3.3	D2.3
228	Nguyễn Thanh Thảo	05/08/2011	9B	100227	Chuyên Lí	D3.3	D2.5

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	SBD	Môn chuyên	PHÒNG THI	
						MÔN KHÔNG CHUYÊN	MÔN CHUYÊN
229	Nguyễn Thị Phương Thảo	08/04/2011	9B	100228	Chuyên Anh	D3.3	D1.4
230	Lê Đình Thiên	24/04/2011	9A3	100229	Chuyên Anh	D3.3	D1.4
231	Nguyễn Mai Hải Thiên	27/12/2011	9E	100230	Chuyên Toán	D3.3	D2.3
232	Phan Thị Ngọc Thiện	07/04/2011	9A2	100231	Chuyên Sử	D3.3	D3.5
233	Nguyễn Minh Thiện	01/09/2011	9A1	100232	Chuyên Toán	D3.3	D2.3
234	Nguyễn Đoàn Thái Thịnh	14/11/2011	9A5	100233	Chuyên Tin	D3.3	Tin 2
235	Chu Thị Bảo Thu	25/03/2011	9	100234	Chuyên Văn	D3.3	D3.4
236	Đậu Hoàng Anh Thu	08/06/2011	9A2	100235	Chuyên Anh	D3.3	D1.4
237	Nguyễn Anh Thu	03/03/2011	9A2	100236	Chuyên Sử	D3.3	D3.5
238	Nguyễn Thụy Bảo Thu	12/04/2011	9A1	100237	Chuyên Toán	D3.3	D2.3
239	Nguyễn Thị Minh Thu	19/08/2011	9A1	100238	Chuyên Sử	D3.3	D3.5
240	Nguyễn Ngọc Anh Thu	24/07/2011	9A2	100239	Chuyên Sử	D3.3	D3.5
241	Nguyễn Hồ Anh Thu	06/05/2011	9A6	100240	Chuyên Hóa	D3.3	D3.1
242	Lê Anh Thu	07/04/2011	9A3	100241	Chuyên Văn	D3.3	D3.4
243	Đoàn Duy Thức	21/02/2011	9A1	100242	Chuyên Toán	D3.3	D2.3
244	Trần Hà Thương	22/01/2011	9A4	100243	Chuyên Hóa	D3.3	D3.1
245	Nguyễn Thị Thương Thương	15/03/2011	9A1	100244	Chuyên Toán	D3.4	D2.3
246	Đào Thị Thúy	13/04/2011	9A2	100245	Chuyên Sinh	D3.4	D3.3
247	Nguyễn Ngọc Thùy Tiên	29/11/2011	9A2	100246	Chuyên Văn	D3.4	D3.4
248	Đoàn Thủy Tiên	29/09/2011	9A1	100247	Chuyên Tin	D3.4	Tin 2
249	Trần Văn Tịnh	29/09/2011	9A8	100248	Chuyên Toán	D3.4	D2.3
250	Phan Toàn	06/05/2011	9A3	100249	Chuyên Tin	D3.4	Tin 2
251	Lê Thị Hương Trà	07/07/2011	9A1	100250	Chuyên Lí	D3.4	D2.5
252	Đào Thị Thùy Trâm	25/08/2011	9A1	100251	Chuyên Sử	D3.4	D3.5
253	Bùi Trần Khánh Trâm	22/06/2011	9A2	100252	Chuyên Sử	D3.4	D3.5
254	Đặng Thùy Trâm	26/08/2011	9A1	100253	Chuyên Anh	D3.4	D1.4
255	Lê Ngọc Bảo Trâm	28/07/2011	9A3	100254	Chuyên Lí	D3.4	D2.5
256	Trần Hoàng Bảo Trâm	25/03/2011	9A1	100255	Chuyên Toán	D3.4	D2.3
257	Đỗ Phan Bảo Trân	26/07/2012	9A2	100256	Chuyên Địa	D3.4	D1.5
258	Nguyễn Hoàng Bảo Trân	12/09/2011	9A7	100257	Chuyên Toán	D3.4	D2.3
259	Võ Thị Bảo Trân	02/09/2011	9A1	100258	Chuyên Địa	D3.4	D1.5
260	Nguyễn Thị Hà Trang	16/05/2011	9A2	100259	Chuyên Anh	D3.4	D1.4
261	Lê Phương Trang	20/01/2011	9A5	100260	Chuyên Văn	D3.4	D3.4

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	SBD	Môn chuyên	PHÒNG THI	
						MÔN KHÔNG CHUYÊN	MÔN CHUYÊN
262	Lương Thị Huyền Trang	29/10/2011	9A4	100261	Chuyên Văn	D3.4	D3.4
263	Nguyễn Thị Huyền Trang	09/12/2011	9A3	100262	Chuyên Văn	D3.5	D3.4
264	Nguyễn Kiều Phương Trinh	06/06/2011	9A1	100263	Chuyên Toán	D3.5	D2.3
265	Lê Ngọc Bảo Trinh	04/06/2011	9A1	100264	Chuyên Hóa	D3.5	D3.1
266	Lâm Tiến Trinh	09/05/2011	9A3	100265	Chuyên Tin	D3.5	Tin 2
267	Nguyễn Tấn Trinh	28/12/2011	9A4	100266	Chuyên Sinh	D3.5	D3.3
268	Hoàng Thanh Trúc	22/08/2011	9A3	100267	Chuyên Địa	D3.5	D1.5
269	Nguyễn Thành Trung	02/11/2011	9A6	100268	Chuyên Anh	D3.5	D1.4
270	Lê Tấn Trường	10/10/2011	9A1	100269	Chuyên Lí	D3.5	D2.5
271	Đỗ Xuân Trường	05/05/2011	9A3	100270	Chuyên Toán	D3.5	D2.3
272	Nguyễn Quang Trường	04/04/2026	9A8	100271	Chuyên Sử	D3.5	D3.5
273	Nguyễn Phương Tu	25/10/2011	9A2	100272	Chuyên Văn	D3.5	D3.4
274	Văn Thành Tuấn	29/09/2011	9A2	100273	Chuyên Hóa	D3.5	D3.1
275	Bùi Trần Thái Tuấn	22/02/2011	9A2	100274	Chuyên Toán	D3.5	D2.3
276	Trần Phú Túc	30/03/2011	9A4	100275	Chuyên Toán	D3.5	D2.3
277	Phan Nguyễn Thanh Tùng	14/09/2011	9A2	100276	Chuyên Lí	D3.5	D2.5
278	Lê Lâm Tùng	28/02/2011	9A2	100277	Chuyên Hóa	D3.5	D3.1
279	Nguyễn Hữu Tùng	02/08/2011	9A3	100278	Chuyên Hóa	D3.5	D3.1
280	Nguyễn Thị Kim Tuyền	21/08/2011	9A3	100279	Chuyên Địa	D3.5	D1.5
281	Dương Tố Uyên	26/11/2011	9A3	100280	Chuyên Anh	D3.6	D1.4
282	Nguyễn Thị Thu Uyên	17/01/2011	9A1	100281	Chuyên Sử	D3.6	D3.5
283	Lê Ngọc Bảo Uyên	06/11/2011	9A3	100282	Chuyên Văn	D3.6	D3.4
284	Phạm Trần Khánh Vân	25/10/2011	9A3	100283	Chuyên Sử	D3.6	D3.5
285	Trần Lê Thảo Vi	01/06/2011	9A2	100284	Chuyên Toán	D3.6	D2.3
286	Phan Thế Vinh	17/04/2011	9A4	100285	Chuyên Lí	D3.6	D2.5
287	Nguyễn Kim Vũ	15/11/2011	9B	100286	Chuyên Toán	D3.6	D2.3
288	Đình Minh Vũ	21/07/2011	9A3	100287	Chuyên Hóa	D3.6	D3.1
289	Nguyễn Hữu Thiên Vương	01/01/2011	9A1	100288	Chuyên Lí	D3.6	D2.5
290	Nguyễn Lê Tường Vy	08/03/2011	9A6	100289	Chuyên Văn	D3.6	D3.4
291	Võ Hoàng Khánh Vy	24/02/2011	9A2	100290	Chuyên Tin	D3.6	Tin 2
292	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	26/09/2011	9B	100291	Chuyên Địa	D3.6	D1.5
293	Mai Diệp Vy	26/10/2011	9A3	100292	Chuyên Anh	D3.6	D1.4
294	Phạm Nguyễn Tường Vy	04/04/2011	9A1	100293	Chuyên Sinh	D3.6	D3.3

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	SBD	Môn chuyên	PHÒNG THI	
						MÔN KHÔNG CHUYÊN	MÔN CHUYÊN
295	Bùi Vũ Tường Vy	01/09/2011	9A1	100294	Chuyên Hóa	D3.6	D3.1
296	Nguyễn Lê Thảo Vy	11/08/2011	9D	100295	Chuyên Toán	D3.6	D2.3
297	Trần Ngọc Tịnh Ý	18/08/2011	9A3	100296	Chuyên Sinh	D3.6	D3.3
298	Phạm Bảo Yến	22/11/2011	9A1	100297	Chuyên Văn	D3.6	D3.4